Sở GTVT (4b)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3206 /QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2017*

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
ĐẾN Số:.....
Ngày 26-06-2017
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 24 tháng 6 năm 2004 và Luật số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT;

Căn cứ Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 25/2016/TT-BGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2196/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả công tác bảo dưỡng thường xuyên Quốc lộ theo chất lượng thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Tiêu chuẩn kỹ thuật Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN ban hành kèm theo Quyết định số 1682/QĐ-TCĐBVN ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Tổng Cục đường bộ Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 8046/SGTVT-KT ngày 23 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, PCT/ĐT;
- Ủy ban MTTQVN.TP;
- VPUB: PVP/ĐT;
- Phòng KT, ĐT, TTCB;
- Lưu VT, (ĐT-HS) T. 52

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành (sau đây gọi tắt là *công tác quản lý, vận hành và bảo trì công trình*) được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Khuyến khích các nhà đầu tư được giao quản lý công trình theo Hợp đồng BOT, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các chủ sở hữu công trình thuộc lĩnh vực giao thông vận tải thực hiện quản lý, vận hành, bảo trì công trình theo các nội dung tại Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo trì công trình* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

2. *Các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh* bao gồm:

2.1. Công trình đường bộ.

2.2. Công trình chiếu sáng công cộng.

2.3. Công trình công viên, cây xanh.

2.4. Công trình thoát nước.

2.5. Công trình đường thủy nội địa.

3. *Đường bộ* gồm: đường, cầu đường bộ, bến phà đường bộ.

4. *Công trình đường bộ* gồm: đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

5. *Công trình chiếu sáng công cộng* gồm: chiếu sáng các công trình giao thông (đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ); chiếu sáng không gian công cộng trong đô thị (quảng trường, công viên, mảng xanh công cộng).

6. *Công trình công viên, cây xanh* gồm: các công viên, mảng xanh, cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị.

7. *Công trình thoát nước* gồm: mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải.

8. *Công trình đường thủy nội địa* gồm: luồng chạy tàu thuyền; cảng, bến thủy nội địa; âu tàu, kè, đập; báo hiệu, tín hiệu và các công trình phụ trợ khác.

9. *Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình* là các thao tác kỹ thuật và các hoạt động quản lý cần thiết nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ, thay thế các thiết bị bị hư hỏng lắp đặt vào công trình, được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình hoặc bổ sung, sửa chữa một số hạng mục có khối lượng nhỏ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường, đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

10. *Cơ quan có thẩm quyền* là Sở Giao thông vận tải.

11. *Đơn vị quản lý* là các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải.

12. *Đơn vị thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình* là các đơn vị nhận đặt hàng, nhà thầu trúng thầu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và có ký kết hợp đồng trực tiếp với đơn vị quản lý (sau đây gọi tắt là nhà thầu).

13. *Kiểm tra công trình* là việc xem xét bằng trực quan do những người có trách nhiệm, kinh nghiệm và/hoặc sử dụng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện các dấu hiệu hư hỏng của công trình.

14. *Sửa chữa công trình* bao gồm:

15.1. *Sửa chữa định kỳ công trình* bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì;

15.2. *Sửa chữa đột xuất công trình* được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

Chương II
QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG

Điều 3. Quản lý công trình đường

1. Tuần tra đường bộ

Công tác tuần tra đường bao gồm các nội dung công việc như sau:

1.1. Tuần tra, kiểm tra phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý về những trường hợp sau đây:

- Những sự cố, hư hỏng mặt đường như: ổ gà, hố sụp nguy hiểm, các vị trí nhồi lún, sụp lở ta luy, lằn phui công trình ngầm bị lún, lồi, hầm ga cao hoặc thấp hơn so với mặt đường, nắp hầm kỹ thuật cong, vênh, gây tiếng ồn;

- Những sự cố, hư hỏng của các hệ thống công trình liên quan trong phạm vi đất dành cho đường bộ có ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông và điều kiện khai thác của công trình bao gồm các công trình đường bộ và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Những đoạn đường thường xuyên xảy ra hiện tượng ùn xe, có nguy cơ xảy ra ùn tắc giao thông; những vị trí phát sinh chướng ngại vật; những vị trí bị chiếm dụng lòng, lề đường để họp chợ, chứa vật tư; những vị trí mất an toàn trên vỉa hè, lề đường gây cản trở cho người đi bộ; các hư hỏng của trạm dừng, nhà chờ xe buýt; phát hiện những bất cập của hệ thống biển báo;

- Những vị trí bị ngập trên đường do trời mưa hoặc các đoạn đường thường xuyên bị ngập nước do triều cường;

- Các hành vi lấn chiếm, xâm phạm hành lang bảo vệ an toàn đường bộ; các vị trí đấu nối vào đường bộ đang khai thác gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

1.2. Theo dõi việc thi công các công trình trên đường bộ đang khai thác (đơn vị thi công, đơn vị quản lý, thời gian thi công...); nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông phải thông báo ngay đến đơn vị quản lý.

1.3. Theo dõi và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý tình trạng xe quá tải lưu thông trên cầu, đường đối với các công trình cầu, đường có giới hạn tải trọng khai thác.

1.4. Xử lý ngay các trường hợp bị hư hỏng nhỏ không cần vật tư như chỉnh sửa cọc tiêu, biển báo bị xiêu vẹo, cong vênh, dán giấy che khuất; bu lông bị lỏng, tuột, mé nhánh cây che khuất biển báo hiệu giao thông...).

1.5. Cập nhật dữ liệu trên máy vi tính: đơn vị thực hiện phải cập nhật các số liệu về duy tu sửa chữa, các diễn biến phát sinh thường xuyên trên đường vào máy vi tính hoặc phần mềm quản lý chuyên ngành và cung cấp cho đơn vị quản lý.

2. Đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông bao gồm các nội dung công việc như sau:

2.1. Trực gác, hướng dẫn giao thông tại những vị trí phát sinh sự cố gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông; bảo đảm an toàn cho người và phương tiện giao thông trên đường.

2.2. Thiết lập ngay biển báo hiệu nguy hiểm, hàng rào tại chỗ khi phát hiện bất kỳ sự cố, phát sinh hư hỏng nào có nguy cơ đe dọa đến an toàn giao thông hoặc xảy ra tai nạn giao thông; đồng thời thông báo ngay cho đơn vị quản lý để có biện pháp xử lý kịp thời.

2.3. Dặm vá ngay những ổ gà, hố sụp trong vòng 24 giờ (khối lượng sẽ được tính trong công tác bảo dưỡng thường xuyên). Trường hợp cấp bách phải tiến hành thực hiện ngay bằng mọi giải pháp để đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

2.4. Phối hợp thường xuyên với các đơn vị liên quan để khắc phục mọi sự cố, tình huống ảnh hưởng đến an toàn giao thông hoặc làm hư hỏng công trình giao thông.

2.5. Khi xảy ra ùn, tắc hoặc tai nạn giao thông, nhân viên tuần đường phải có mặt để thu thập thông tin, sơ bộ xác định nguyên nhân và báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý cho đơn vị quản lý; thực hiện phối hợp với các lực lượng chức năng để hướng dẫn, điều tiết giao thông.

Việc thống kê theo dõi và phân tích nguyên nhân các vụ tai nạn giao thông đường bộ giúp cho đơn vị quản lý, cơ quan quản lý biết được vị trí hay đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông, biết được nguyên nhân gây ra tai nạn nếu là do kết cấu hạ tầng giao thông (không có biển báo, khuất tầm nhìn, mặt đường trơn trượt hay mất siêu cao, bán kính đường cong trên bình đồ không phù hợp...) để có kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông.

3. Đăng ký đường

3.1. Các công trình đường khi bắt đầu đưa vào khai thác phải tiến hành đăng ký đường và sau quá trình sử dụng từ 10-15 năm cần đăng ký lại để xác định tình trạng kỹ thuật vốn có lúc ban đầu và sự thay đổi các yếu tố kỹ thuật trong quá trình khai thác.

3.2. Hồ sơ đăng ký đường theo hướng dẫn tại Mục 4.2.4.1 Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ (TCCS 07: 2013/TCĐBVN). Các số liệu đăng ký đường được số hóa và lưu trữ trong máy tính của của đơn vị quản lý và cập nhật thường xuyên vào phần mềm quản lý chuyên ngành của Sở Giao thông vận tải.

Điều 4. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường

Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường (áp dụng chung cho cả đường dẫn vào cầu, đường dân sinh hai bên cầu, dưới gầm cầu) bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Đắp phụ nền, lề đường.

2. Bạt lề đường.

3. Cắt cỏ bằng máy.

4. Phát quang cây cỏ bằng thủ công.

5. Vét rãnh hở, mương hở, hào kỹ thuật.

6. Vệ sinh mặt đường.

7. Đếm xe, nghiên cứu tổ chức phân luồng giao thông.

8. Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc.

9. Xử lý cao su, sình lún.

10. Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ, lún trồi mặt đường.

11. Sửa chữa khe nứt mặt đường.

12. Bảo dưỡng khe co giãn mặt đường bê tông xi măng.

13. Sửa chữa nứt nhỏ mặt đường bê tông xi măng.

14. Sơn biển báo, cột biển báo, dải phân cách, tôn lượn sóng, cọc tiêu, cọc H, cọc Km, mốc lộ giới.

15. Nắn chỉnh, thay thế, bổ sung, biển báo, cột biển báo, dải phân cách, cọc tiêu, cọc mốc lộ giới, cọc H, cọc Km.

16. Dán lại lớp phản quang biển báo, cột Km, dải phân cách có dán phản quang.

17. Sơn dặm, sơn bổ sung vạch kẻ đường;

18. Vệ sinh sơn đường.

19. Xóa vạch sơn đường.

20. Thay thế tôn lượn sóng.

21. Vệ sinh dải phân cách, mặt biển báo phản quang, tường phòng hộ, tôn lượn sóng.

22. Nắn sửa, vệ sinh, thay thế trụ dẻo.

23. Vệ sinh, thay thế, bảo dưỡng mắt phản quang.

24. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương III
QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH CẦU ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Quản lý công trình cầu

1. Tuần tra cầu

Công tác tuần tra cầu bao gồm các nội dung công việc như sau:

1.1. Tuần tra, kiểm tra phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý về những trường hợp sau đây:

- Những sự cố, hư hỏng trên mặt, sàn, lan can cầu và lề bộ hành như: mặt cầu bị ổ gà, đọng nước sau mưa; lề bộ hành bị bong tróc bê tông, không bằng phẳng; lan can cầu bị bong tróc bê tông, hoặc lan can thép liên kết hàn bị hở mối nối, cong vênh; cáp treo bị chùng, rỉ sét, có dấu hiệu bị đứt...;

- Khe co giãn mặt cầu không bị bong bật, mấp mô, đọng rác, đất;

- Mái taluy mố cầu và đường đầu cầu bị lún sụp;

- Các hiện tượng hư hỏng, mất cắp hoặc thiết lập không đúng qui định của hệ thống cọc tiêu, biển báo trên cầu và đường vào cầu (biển tải trọng cầu, biển tên cầu, biển báo cấm tụ tập, biển báo thông thuyền ...);

- Những sự cố, hư hỏng hoặc mất mát đèn chiếu sáng công cộng trên cầu;

- Cây xanh mọc ở đầu cầu làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông;

- Các sự cố, hư hỏng hoặc mất mát về các công trình lắp đặt trên cầu như hệ thống cấp điện, cáp bưu điện, cấp nước, thoát nước ...;

- Các hành vi chiếm dụng mặt cầu, hành lang cầu để vật tư hoặc trú ngụ, buôn bán hàng rong, neo đậu tàu, thuyền trong phạm vi hành lang an toàn cầu.

1.2. Theo dõi và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý về các trường hợp phương tiện lưu thông vượt quá tải trọng khai thác của công trình cầu; tình trạng ùn tắc giao thông trên cầu.

1.3. Tình trạng khai thác của các trụ chống va (nếu có).

1.4. Xử lý ngay các trường hợp bị hư hỏng nhỏ không cần vật tư như chỉnh sửa cọc tiêu, biển báo, dải phân cách bị nghiêm, cong vênh; siết chặt các bu lông bị lỏng, tuột, mé nhánh cây che khuất biển báo hiệu giao thông.

2. Kiểm tra cầu

Công tác kiểm tra cầu bao gồm các nội dung công việc như sau:

2.1. Đánh giá tình trạng làm việc của công trình cầu, phát hiện các hư

hỏng gây mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của công trình cầu, đồng thời theo dõi các hư hỏng đã được đánh dấu từ những lần kiểm tra trước.

2.2. Kiểm tra chi tiết các bộ phận cấu tạo của công trình. Trong trường hợp cần thiết phải có các loại máy chuyên dụng để thăm dò, đo đạc. Kết quả kiểm tra và các số liệu thăm dò, đo đạc, theo dõi những hư hỏng, biện pháp giải quyết, khối lượng cần sửa chữa phải được ghi chép đầy đủ vào sổ kiểm tra công trình cầu.

2.3. Nếu phát hiện những hư hỏng mà xét thấy có ảnh hưởng đến an toàn của công trình cầu thì phải báo cáo ngay cho đơn vị quản lý để có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa kịp thời, đảm bảo an toàn giao thông. Đồng thời đơn vị thực hiện phải chủ động áp dụng ngay các biện pháp tạm thời để giữ được an toàn công trình, an toàn giao thông.

2.4. Nội dung kiểm tra cầu:

- Kiểm tra mặt cầu bao gồm: Tình trạng lớp phủ mặt cầu; thoát nước của mặt cầu; các khe co dãn (có bị nứt vỡ, dập nát); các gờ chắn bánh xe, lan can cầu; các biển báo, cột đèn chiếu sáng, tường phòng vệ ở hai đầu cầu;

- Kiểm tra tình trạng của dầm cầu, vòm cầu, cáp chịu lực (đối với cầu dự ứng lực ngoài);

- Kiểm tra tình trạng gối cầu;

- Kiểm tra mố, trụ cầu, kiểm tra sự xói lở chân móng mố trụ, chân khay và 1/4 nón mố; nền mặt đường sau mố;

- Kiểm tra các công trình phòng hộ và điều tiết dòng chảy như: trụ chống va, kè hướng dòng, kè ốp mái nền đường dẫn, kè mép sông v.v… cần chú ý đến sự ổn định của các công trình này (không bị nứt vỡ, sạt lở, nghiêng lún) và đánh giá hiệu quả của công trình đó;

- Kiểm tra việc chiếm dụng trái phép mố, dạ cầu để vật tư hoặc trú ngụ, buôn bán, các hành vi lắp đặt các công trình trái phép trên cầu(như cấp điện, cáp bưu điện, ống cấp nước…);

- Cập nhật dữ liệu trên máy vi tính: đơn vị thực hiện phải cập nhật các số liệu về duy tu sửa chữa, các diễn biến phát sinh thường xuyên của công trình cầu vào máy vi tính và cung cấp cho đơn vị quản lý.

3. Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính

3.1. Nội dung hồ sơ quản lý cầu bao gồm: hồ sơ hoàn công; hồ sơ đánh giá, kiểm tra công trình; hồ sơ đăng ký và kiểm định cầu; các mốc cao độ, tọa độ, quan trắc; biên bản kiểm tra, nghiệm thu, ảnh chụp… Tất cả các dữ liệu phải được số hóa và được lưu trữ hoặc cập nhật thường xuyên trên phần mềm quản lý.

3.2. Trong quá trình quản lý khai thác, phải bổ sung kịp thời những số liệu thay đổi vào hồ sơ quản lý cầu trên máy vi tính.

4. Đăng ký cầu

4.1. Các công trình cầu khi bắt đầu đưa vào khai thác phải tiến hành đăng ký cầu và sau quá trình sử dụng từ 10-15 năm cần đăng ký lại để xác định tình trạng kỹ thuật vốn có lúc ban đầu và sự thay đổi các yếu tố kỹ thuật trong quá trình khai thác.

Giao Sở Giao thông vận tải quy định chi tiết về Mẫu hồ sơ đăng ký cầu để các đơn vị quản lý áp dụng, thực hiện.

4.2. Các số liệu đăng ký cầu phải được số hóa dữ liệu, lưu trữ trong máy tính của nhà thầu và phải thường xuyên cập nhật trong phần mềm của đơn vị quản lý và cơ quan có thẩm quyền.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới trong công tác quản lý cầu. Hiện đại hóa công tác quản lý cầu bằng các phần mềm chuyên ngành, thiết bị quan trắc, cảm biến.

6. Đối với phần đường dẫn vào cầu, đường dân sinh: Công tác tuần tra đường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 của Quy định này. Khi thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông phần đường dẫn vào cầu, đường dân sinh phải thực hiện cả công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho công trình cầu.

Điều 6.Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu đường bộ

Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu đường bộ bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước.

2. Vệ sinh lan can cầu.

3. Vệ sinh khe co giãn cầu, mố cầu, trụ cầu, lan can cầu.

4. Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép, nút liên kết dầm – giàn của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép.

5. Vệ sinh sơn đường.

6. Vệ sinh dải phân cách.

7. Kiểm tra bắt xiết bu lông cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép.

8. Sơn lan can cầu, dầm cầu, mố trụ cầu, các cấu kiện thép.

9. Sơn cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép.

10. Sửa chữa, thay thế lan can cầu.

11. Sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón mố cầu.

12. Sửa chữa, thay thế khe co giãn.

13. Bôi mỡ gối cầu thép.

14. Thay thế ống thoát nước.

15. Vá ổ gà, bong bật, sửa chữa lún, trồi mặt cầu.

16. Phát quang cây cỏ.

17. Bảo dưỡng công trình phòng hộ (kè hướng dòng).

18. Thanh thải dòng chảy dưới cầu.

19. Trực gác cầu.

20. Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão.

21. Kiểm tra định kỳ.

22. Kiểm định, thử tải cầu.

23. Đo dao động – biến dạng công trình cầu.

24. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương IV
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG, CAMERA QUAN SÁT, BẢNG THÔNG TIN GIAO THÔNG ĐIỆN TỬ

Điều 7. Quản lý, vận hành đèn tín hiệu giao thông

1. Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của mỗi nút (chốt) hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; báo cáo cho đơn vị quản lý để điều chỉnh thời lượng hoạt động của các pha đèn phù hợp với tình hình giao thông. Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.

2. Đo đạc, kiểm tra thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

3. Sửa chữa khắc phục sự cố tủ điều khiển.

4. Đảm bảo an toàn điện đối với hệ thống tín hiệu giao thông.

5. Vệ sinh thiết bị của hệ thống.

Điều 8. Quản lý, vận hành camera quan sát

1. Giám sát, điều khiển từ Trung tâm điều khiển:

1.1. Giám sát giao thông và điều khiển camera từ trung tâm thông qua phần mềm quản lý.

1.2. Lưu trữ dữ liệu hình ảnh của camera về các sự cố giao thông (tai nạn, vi phạm lấn tuyến, đi ngược chiều, đua xe…)

1.3. Giám sát tình trạng hoạt động, kết nối của camera.

1.4. Chia sẻ dữ liệu hình ảnh của camera với các đơn vị phối hợp khi cần thiết.

1.5. Tiếp nhận thông tin thực tế để điều chỉnh thời lượng đèn tín hiệu giao thông đã kết nối về trung tâm, đảm bảo thông suốt tại giao lộ.

1.6. Tiếp nhận và cung cấp thông tin thực tế về đơn vị quản lý để kịp thời điều chỉnh thời lượng đèn tín hiệu giao thông chưa kết nối về trung tâm.

2. Vận hành tại chỗ (thiết bị ngoại vi):

2.1. Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của mỗi tủ điều khiển camera hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.

2.2. Thường xuyên tiếp nhận thông tin từ Trung tâm điều khiển để xử lý các sự cố kịp thời: mất tín hiệu, không điều khiển được, mất kết nối.

2.3. Đo đạc, kiểm tra thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống camera.

2.4. Sửa chữa khắc phục sự cố tủ điều khiển.

Điều 9. Quản lý, vận hành bảng thông tin giao thông điện tử

1. Giám sát, điều hành từ Trung tâm điều khiển:

1.1. Khởi động từ xa bằng phần mềm điều khiển.

1.2. Kiểm tra tình trạng kết nối.

1.3. Giám sát trạng thái kết nối của bảng thông tin giao thông điện tử với trung tâm điều khiển, giám sát trạng thái kết nối vào mạng.

1.4. Chuyển qua hiển thị các chương trình mặc định hoặc dừng hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử khi gặp sự cố mất kết nối từ Trung tâm.

1.5. Chụp lại thông tin hiển thị của bảng.

1.6. Thực hiện chức năng quét bảng: kiểm tra tình trạng hoạt động của Led màn hình.

2. Vận hành tại chỗ (thiết bị ngoại vi):

2.1. Thường xuyên tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.

2.2. Thường xuyên tiếp nhận thông tin từ Trung tâm điều khiển để xử lý các sự cố kịp thời: mất tín hiệu, mất nét, mất kết nối….

2.3. Thường xuyên kiểm tra, ghi nhận và xử lý các sự cố: mất nét, chồng tin, mất kết nối….

2.4. Kiểm tra kín nước phía trước, phía sau bảng thông tin giao thông điện tử (hàng ngày).

2.5. Kiểm tra an toàn cơ học, các mối nối, bu long lắp đặt khung cabin và tay vươn (tuần/lần)..

2.6. Kiểm tra kết cấu trụ, khe hở giữa các cabin (tuần/lần).

2.7. Đảm bảo an toàn điện đối với hệ thống bảng thông tin giao thông điện tử.

2.8. Đảm bảo thông tin giao thông thực được cung cấp từ đơn vị có liên kết để đưa lên bảng thông tin giao thông điện tử, nhằm cung cấp thông tin giao thông thực cho người tham gia giao thông biết và điều chỉnh lộ trình lưu thông.

Điều 10. Bảo dưỡng thường xuyên đèn tín hiệu giao thông

Công tác bảo dưỡng thường xuyên đèn tín hiệu giao thông bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Sửa chữa, thay thế, bổ sung đèn tín hiệu giao thông các loại (xanh, vàng, đỏ, số đếm lùi, đi bộ, lặp lại và các thiết bị khác thuộc hệ thống).

2. Sửa chữa, thay thế các thiết bị thuộc hệ thống tủ điều khiển.

3. Xử lý chạm chập sự cố cáp nổi, cáp ngầm các loại.

4. Thuê bao đường truyền kết nối mạng.

5. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Điều 11. Bảo dưỡng thường xuyên camera quan sát

Công tác bảo dưỡng thường xuyên camera quan sát bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh camera theo định kỳ.

2. Vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị thuộc hệ thống điều khiển.

3. Xử lý sự cố mất kết nối: thay cáp tín hiệu, hàn nối cáp quang, dây nhảy quang.

4. Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.

5. Đo cách điện, nối đất.

6. Sửa chữa, thay thế, bổ sung camera.

7. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Điều 12. Bảo dưỡng thường xuyên bảng thông tin giao thông điện tử

Công tác bảo dưỡng thường xuyên bảng thông tin giao thông điện tử bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh bảng thông tin điện tử theo định kỳ.

2. Đo cách điện, nối đất.

3. Kiểm tra độ sáng, độ đồng màu, quạt làm mát từng cabin, độ lệch về vị trí hiển thị và dữ liệu hiển thị.

4. Kiểm tra điện áp AC và DC, công suất tiêu thụ.

5. Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.

6. Sửa chữa, thay thế bộ nguồn, Board mạch các loại, thiết bị truyền dẫn, modul LED.

7. Xử lý sự cố mất kết nối: thay thế cáp tín hiệu, hàn nối cáp quang, dây nhảy quang.

8. Kiểm tra dữ liệu phát ra từ CPU: đúng dữ liệu, đúng địa chỉ, đúng màu từ dư liệu mã hóa từ Trung tâm.

9. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương V
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG

Điều 13. Quản lý, vận hành công trình chiếu sáng công cộng

1. Đảm bảo hệ thống chiếu sáng công cộng hoạt động ổn định, thời gian hoạt động đúng quy định, đảm bảo an toàn điện của hệ thống.

2. Công tác duy trì trạm đèn, tùy theo tính chất của tuyến đèn để xác định tần suất thực hiện và được thực hiện theo các nội dung công việc như sau:

2.1. Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, tắt và tình hình hoạt động của hệ thống. Phải đảm bảo sáng tối thiểu 98% trên tổng số bộ đèn của tủ điều khiển (ngoại trừ số lượng đèn tắt do tiết giảm, đèn tắt do bị mất cắp dây nguồn); Cập nhật đầy đủ, thường xuyên số liệu quản lý, duy tu bảo dưỡng thường xuyên. Kịp thời điều chỉnh thời gian hoạt động của hệ thống chiếu sáng theo đúng thời gian quy định (không quá 48 giờ kể từ khi có Thông báo của đơn vị quản lý).

2.2. Theo dõi và đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện.

2.3. Kiến nghị đến đơn vị quản lý để sửa chữa thay thế các hư hỏng của thiết bị có liên quan, mất an toàn điện của hệ thống chiếu sáng công cộng. Kịp thời khắc phục ngay những sự cố dẫn đến hệ thống chiếu sáng không hoạt động, gây mất an toàn giao thông, mất an toàn điện.

2.4. Kiểm tra, đo đạc các thông số liên quan về điện năng và ánh sáng. Ghi chép đầy đủ vào phiếu kiểm tra các nội dung nêu trên. Phiếu kiểm tra đặt trong tủ điều khiển để kiểm tra.

3. Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng tại Trung tâm điều khiển.

Điều 14. Bảo dưỡng thường xuyên công trình chiếu sáng công cộng

Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình chiếu sáng công cộng bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh, bảo dưỡng vật tư, thiết bị của hệ thống.

2. Sửa chữa, thay thế, bổ sung vật tư thiết bị của hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị: các thiết bị của bộ đèn (chip LED, Driver, bóng đèn, kích, ballast, vỏ đèn, tụ điện); trụ đèn; các thiết bị của tủ điều khiển; dây cáp các loại và các thiết bị liên quan.

3. Xử lý chạm chập, sự cố cáp nổi, cáp ngầm các loại; các sự cố khác.

4. Thuê bao đường truyền kết nối mạng.

5. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương VI
QUẢN LÝ, CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG VIÊN, MẢNG XANH VÀ CÂY XANH

Điều 15. Quản lý công viên, mảng xanh và cây xanh

1. Công tác quản lý công viên, mảng xanh:

1.1. Bảo vệ, đảm bảo trật tự trong công viên, mảng xanh: tổ chức lực lượng tuần tra, bảo vệ tại công viên, mảng xanh theo đặc thù từng vị trí và yêu cầu của đơn vị quản lý; nhắc nhở và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm nội quy công viên, mảng xanh và các quy định về bảo vệ công viên, mảng xanh; giữ gìn tài sản và trật tự của công viên, mảng xanh; phối hợp với cơ quan chức năng trong việc đảm bảo an ninh trong khu vực công viên, mảng xanh.

1.2. Quản lý hồ sơ công viên, mảng xanh:

Theo dõi, cập nhật thông tin, số liệu, bản vẽ về công viên, mảng xanh trên máy tính và lập báo cáo thống kê các thay đổi về hiện trạng, diện tích và khối lượng chi tiết trong công viên, mảng xanh trên địa bàn quản lý.

2. Công tác quản lý cây xanh bóng mát (gồm cả bồn gốc cây)

2.1. Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát: Tổ chức lực lượng tuần tra hệ thống cây xanh bóng mát, bồn gốc cây quản lý nhằm:

- Phát hiện cây nguy hiểm và xác định mức độ nguy hiểm có thể tác động tới người, phương tiện và công trình để có biện pháp xử lý kịp thời; Phát hiện và đề xuất hoặc có biện pháp xử lý kịp thời các trường hợp cây xanh bóng mát bị sâu bệnh, bị hư hại.

- Phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại đến cây xanh bóng mát, bồn gốc cây.

- Phát hiện và đề xuất xử lý đối với cây xanh bóng mát chưa có trong khối lượng chăm sóc trên các tuyến đường đang quản lý chăm sóc.

2.2. Quản lý hồ sơ cây xanh bóng mát:

Theo dõi, cập nhật thông tin, số liệu về cây xanh bóng mát trên máy tính và lập báo cáo thống kê các thay đổi về khối lượng, chủng loại, phân loại cây xanh bóng mát trên địa bàn quản lý.

Điều 16. Chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh:

1. Công tác chăm sóc, bảo dưỡng công viên, mảng xanh bao gồm các hạng mục chủ yếu như sau:

1.1. Chăm sóc thảm cỏ và cây che phủ nền.

1.2. Chăm sóc cây trang trí: hoa ngắn ngày, kiểng có hoa, kiểng lá, cây trổ hoa, cây dáng đẹp, cây tạo hình, cây kiểng trồng chậu, cây leo, cây thủy sinh.

1.3. Bứng, di dời cây trang trí.

1.4. Trồng thay thế cây trang trí.

1.5. Vệ sinh trong công viên, mảng xanh: gồm các công việc nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong công viên, mảng xanh, chủ yếu như sau:

- Quét rác, nhặt rác; chà rửa vỉa hè, nền đá, nền cao su, ghế ngồi, thùng rác, nhà vệ sinh; làm cỏ đường đi…

- Vệ sinh hồ nước, hố ga, cống thoát nước, bao gồm công tác chính là: thay nước hồ; vớt rác, lá khô trên mặt hồ và thu gom phế thải, vớt rau bèo trên mương rạch; nạo vét cống rãnh, múc bùn hố ga.

- Thu gom và vận chuyển rác: là công tác thu gom rác về điểm tập kết trong công viên, mảng xanh và vận chuyển đến địa điểm xử lý.

- Vệ sinh tượng, vật kiến trúc; bảo dưỡng tiểu cảnh.

1.6. Bảo dưỡng, vận hành hệ thống tưới tự động, hồ phun nước, sân chơi nước trong công viên, mảng xanh, gồm các công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra van điện từ, máy bơm.

- Kiểm tra, vận hành, duy trì tủ điều khiển.

- Kiểm tra, điều chỉnh và vệ sinh vòi, thân phun.

- Xúc rửa đường ống, vệ sinh bể chứa.

- Đo, kiểm tra áp lực kênh tưới.

1.7. Bảo dưỡng thiết bị thể dục thể thao và thiết bị trò chơi thiếu nhi trong công viên, mảng xanh (thiết bị không chuyển động, thiết bị chuyển động):

- Kiểm tra chi tiết chịu lực, chi tiết liên kết, bộ phận chuyển động của thiết bị.

- Vệ sinh thiết bị.

2. Công tác chăm sóc bồn cỏ gốc cây, cây xanh bóng mát bao gồm các hạng mục chủ yếu sau:

2.1. Chăm sóc bồn cỏ gốc cây.

2.2. Chăm sóc cây xanh bóng mát theo phân loại mới trồng, 1, 2 và 3.

2.3. Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ, bứng di dời cây xanh bóng mát.

2.4. Chăm sóc, bứng di dời cây kích thước nhỏ.

2.5. Vẽ mã số quản lý cây xanh bóng mát mới trồng và cây loại 1, 2, 3.

3. Công tác cải tạo, sửa chữa công viên, mảng xanh và trồng bổ sung, trồng thay thế cây bóng mát:

3.1. Cải tạo thảm cỏ, cây che phủ nền, cây trang trí và trồng bổ sung, trồng thay thế cây xanh bóng mát, bao gồm các công tác: cải tạo đất, trồng cỏ, cây che phủ nền, cây trang trí bị hư hại hoặc già cỗi với khối lượng cao hơn định mức cho phép; trồng thay thế cây xanh bóng mát sau khi đốn hạ, di dời, trồng bổ sung cây xanh bóng mát; bảo dưỡng sau khi trồng.

3.2. Sửa chữa hạ tầng; sửa chữa, thay thế, bổ sung thiết bị hệ thống tưới tự động và các thiết bị tiện ích khác (dụng cụ tập thể dục, trò chơi thiếu nhi...) trong công viên, mảng xanh.

4. Công tác khác: bao gồm tăng cường hoa kiểng tại các công viên, mảng xanh phục vụ Lễ, Tết; tái lập công viên, mảng xanh bị hư hại do tổ chức Lễ, Hội; cải tạo, chỉnh trang công viên, mảng xanh; cải tạo, chỉnh trang cây xanh bóng mát đường phố và trong công viên, mảng xanh; các công tác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, công tác phát sinh trong quá trình quản lý.

Chương VII
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC

Điều 17. Quản lý, vận hành công trình thoát nước

1. Công tác quản lý, vận hành công trình thoát nước bao gồm các công việc sau:

1.1. Quản lý hệ thống thoát nước mưa.

1.2. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.

1.3. Quản lý bùn thải.

Nội dung thực hiện các công việc quản lý công trình thoát nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 25 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 8 năm 2014 về thoát nước và xử lý nước thải.

Trong quá trình thực hiện, các đơn vị quản lý và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải tuân thủ các quy định về quản lý bùn thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2015.

Điều 18. Bảo dưỡng thường xuyên công trình thoát nước

Công tác vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thoát nước bao gồm các hạng mục công tác chủ yếu như sau:

1. Vận hành, bảo dưỡng mạng lưới đường cống thoát nước mưa, thoát nước thải, cống bao, kênh mương, hồ điều hòa

1.1. Nạo vét máng của hầm ga thu nước.

1.2. Nạo vét hầm ga và máng.

1.3. Nạo vét lòng cống và hầm ga, máng.

1.4. Nạo vét hầm ga và máng bằng xe hút bùn.

1.5. Nạo vét kênh mương.

1.6. Vớt rác trên mặt kênh mương.

1.7. Gia cố bờ rạch bằng cừ tràm.

1.8. Sửa chữa tường hầm ga.

1.9. Sửa chữa miệng thu nước hầm ga.

1.10. Nâng khuôn hầm ga.

1.11. Thay khuôn.

1.12. Thay nắp hầm ga.

1.13. Thay máng, lưỡi.

1.14. Lắp đặt lưới chắn rác.

1.15. Sửa chữa cống bị sụp.

1.16. Lắp đặt miệng thu nước.

2. Vận hành, bảo dưỡng hệ thống van ngăn triều

2.1. Tra dầu, nhớt tai van ngăn triều.

2.2. Vớt rác, nạo vét bùn đất trước cửa van.

2.3. Sửa chữa, thay thế van hư hỏng.

3. Vận hành, bảo dưỡng cống kiểm soát triều

3.1. Kiểm tra mực nước thượng và hạ lưu, kiểm tra hệ thống điện, kiểm tra hệ thống thủy lực, vận hành động cơ điện và bơm thủy lực, vận hành.

3.2. Thau rửa, vớt rác kênh rạch (hồ điều tiết).

3.3. Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, động cơ, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor.

3.4. Thay dầu định kỳ cho hệ thống thủy lực.

4. Vận hành, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước

4.1. Kiểm tra mực nước thượng và hạ lưu, kiểm tra khu vực trạm bơm (bể hút, bể xả, hộp đấu nối), kiểm tra khu vực nhà điều khiển bơm, kiểm tra tủ đầu vào, tủ điều khiển và bàn điều khiển trung tâm, vận hành thiết bị máy bơm, vận hành tủ khởi động máy bơm, vận hành bàn điều khiển trung tâm, kiểm tra các thông số khi đang vận hành bơm.

4.2. Vớt rác tại hầm bơm.

4.3. Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, khung chắn rác, bơm, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor.

4.4. Bảo dưỡng, sửa chữa máy bơm và thiết bị theo định kỳ (Sửa chữa nhỏ).

4.5. Sửa chữa, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước (Sửa chữa lớn).

5. Vận hành, bảo dưỡng trạm, nhà máy xử lý nước thải

5.1. Kiểm tra hệ thống điện trước khi vận hành hệ thống.

5.2. Kiểm tra các van trước khi vận hành hệ thống.

5.3. Pha chế hóa chất.

5.4. Vận hành khởi động hệ thống xử lý.

5.5. Vận hành hệ thống.

5.6. Kiểm tra chất lượng nước thải.

5.7. Triển khai kế hoạch sửa chữa, bảo trì trạm xử lý nước thải.

5.8. Sửa chữa, bảo trì máy móc, thiết bị công nghệ tại trạm nhà máy xử lý nước thải.

5.9. Bảo trì các bể xử lý.

5.10. Sửa chữa đường ống công nghệ trong công trình xử lý nước thải.

Đối với hạng mục công tác thuộc công tác vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thoát nước chưa quy định trong Điều này thì áp dụng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Chương VIII
QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 19. Quản lý công trình đường thủy nội địa

1. Tuần tra, kiểm tra thường xuyên hệ thống đường thủy

Khu Quản lý đường thủy nội địa trực tiếp giao nhiệm vụ cho các Trạm Quản lý đường thủy nội địa thuộc cơ cấu tổ chức bộ máy của mình thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra phát hiện và báo cáo kịp thời về những trường hợp sau đây:

1.1. Phát hiện sự thay đổi luồng lạch do thủy triều, sự cố luồng, bãi cạn, hố xói, công trình vượt sông, chướng ngại vật trên tuyến đường thủy nội địa ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy, an toàn các công trình để báo cáo, kịp thời đề xuất xử lý.

1.2. Tổ chức điều tiết khống chế đảm bảo giao thông khi cần thiết, đảm bảo an toàn, thông suốt.

1.3. Phát hiện sự xâm hại đến kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

1.4. Phát hiện những sự cố, hư hỏng, xuống cấp đối với hệ thống báo hiệu, kè bờ được phân cấp quản lý; xác định mức độ hư hại (nếu có) đề xuất xử lý.

1.5. Đo mực nước và đếm lưu lượng vận tải lưu thông trên tuyến.

1.6. Quan hệ với địa phương để phối hợp bảo vệ công trình đường thủy nội địa và các công việc khác.

2. Cập nhật sau khi tuần tra; báo cáo, đánh giá, đề xuất hướng xử lý

Hàng tuần, hàng tháng (hoặc đột xuất), các Trạm Quản lý đường thủy nội địa thực hiện tuần tra phải thực hiện:

2.1. Cập nhật, thống kê số liệu về các diễn biến thay đổi luồng, sự cố, hư hỏng đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn được giao quản lý;

2.2. Báo cáo, đánh giá, đề xuất hướng xử lý cho lãnh đạo Khu Quản lý đường thủy nội địa đối với các diễn biến thay đổi luồng, sự cố, hư hỏng đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa

Điều 20. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa

1. Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống báo hiệu

1.1. Thả phao.

1.2. Điều chỉnh phao.

1.3. Chống bồi rùa.

1.4. Trục phao.

1.5. Bảo dưỡng phao, xích.

1.6. Bảo dưỡng cột, biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật.

1.7. Sơn màu: Phao, cột và biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật.

1.8. Chỉnh cột báo hiệu.

1.9. Dịch chuyển cột báo hiệu.

2. Bảo dưỡng thường xuyên ánh sáng đèn hiệu

2.1. Thay đèn.

2.2. Thay thế ắc quy chuyên dùng đèn năng lượng theo niên hạn sử dụng (tuổi thọ ắc quy).

2.3. Thay thế đèn theo niên hạn sử dụng.

2.4. Kiểm tra vệ sinh đèn năng lượng mặt trời.

2.5. Sửa chữa nhỏ, thay thế các linh phụ kiện bị hỏng của đèn.

3. Phát quang cây cối

3.1. Phát hoang cây cối che chắn tầm nhìn của báo hiệu.

3.2. Phát hoang cây cối mọc trên mái kè, chân khay làm hư hỏng kết cấu.

4. Sửa chữa nhỏ báo hiệu

Sửa chữa, khắc phục những hư hỏng nhỏ của báo hiệu trong năm sử dụng nhằm khôi phục lại năng lực làm việc của báo hiệu theo tiêu chuẩn ban đầu gồm: hàn, vá những chỗ bị han gỉ nặng và thay thế chi tiết đã hỏng. Việc sửa chữa báo hiệu kết hợp bảo dưỡng định kỳ.

5. Duy tu sửa chữa kết cấu kè.

6. Duy tu luồng sông, kênh, rạch được phân cấp quản lý

6.1.Thanh thải chướng ngại vật trên luồng không xác định được chủ sở hữu.

6.2.Nạo vét luồng cạn, bãi cạn.

6.3.Lấp hố xói.

Chương IX
QUẢN LÝ KHỐI LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG

Điều 21. Khối lượng thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình

1. Khối lượng thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình hàng năm được xác định theo các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này là cơ sở để lập kế hoạch công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình hàng năm.

2. Đối với công tác khắc phục sự cố công trình, khắc phục hậu quả bão, lũ, các đơn vị quản lý phải triển khai thực hiện thi công ngay để bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ kết cấu công trình theo hình thức vừa thiết kế vừa thi công, nhưng vẫn phải lập đầy đủ các các hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng công trình theo đúng quy định hiện hành.

Điều 22. Nghiệm thu công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình

1. Công tác nội nghiệp

Căn cứ theo các yêu cầu về công tác lưu giữ và cập nhật số liệu trong hồ sơ, tài liệu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình.

2. Tại hiện trường

2.1. Kiểm tra và nghiệm thu toàn bộ các công trình có thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.

2.2. Kiểm tra và nghiệm thu từng công trình để đánh giá tổng quát các mục tiêu theo yêu cầu.

3. Đối với công tác quản lý, vận hành công trình: Nghiệm thu trên cơ sở chất lượng thực hiện, theo tiêu chí "Đạt" hoặc "Không đạt".

4. Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình: Nghiệm thu theo một trong hai hình thức như sau:

- Nghiệm thu trên cơ sở chất lượng thực hiện, theo tiêu chí "Đạt" hoặc "Không đạt"; hoặc

- Nghiệm thu theo hình thức thực thanh, thực chi.

Khuyến khích các đơn vị quản lý nghiệm thu theo hình thức trên cơ sở chất lượng thực hiện.

5. Giao Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị quản lý thực hiện nghiệm thu công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình trên cơ sở chất lượng thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố Hồ Chí Minh.

Chương X
ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG, AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Điều 23. Đảm bảo an toàn giao thông

1. Trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình phải tuyệt đối đảm bảo an toàn cho người trực tiếp thi công, người tham gia giao thông và các phương tiện lưu thông bên ngoài khu vực thi công.

2. Yêu cầu về công tác đảm bảo an toàn giao thông

2.1.Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông phải tuân thủ theo đúng quy định về thi công trên đường bộ đang khai thác và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2.2.Phải lắp đặt đầy đủ các biển báo hiệu, sơn đường, đèn báo hiệu, lắp dựng rào chắn; tổ chức hướng dẫn, điều tiết, phân luồng giao thông... theo đúng quy định về thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Riêng đối với các tuyến đường có mật độ giao thông cao, các tuyến Quốc lộ, phải có đèn báo hiệu kể cả khi thi công vào ban ngày.

2.3.Các dụng cụ, thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng công trình chỉ được phép đặt và di chuyển trong phạm vi đã rào chắn.

2.4.Cán bộ, công nhân làm việc tại hiện trường phải mặc quần áo bảo hộ lao động có phản quang.

2.5.Khi cần bố trí người điều khiển giao thông thì người điều khiển giao thông phải được trang bị trang phục bảo hộ, đầy đủ cờ, còi, phù hiệu.

Điều 24. Đảm bảo an toàn lao động

Khi thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình phải thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn lao động theo các quy định về đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công công trình.

Điều 25. Bảo vệ môi trường

1. Trong quá trình bảo dưỡng thường xuyên công trình cần tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường.

2. Khi tiến hành các hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình phải thực hiện tốt các quy tắc trật tự vệ sinh, an toàn, không gây ô nhiễm môi trường nước, không khí... Các phương tiện vận chuyển vật liệu phải được che chắn, không để rơi vãi trên đường.

3. Tuyệt đối không đun nhựa trên đường và phải dùng thiết bị chuyên dụng để làm nóng nhựa đường.

4. Giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của tiếng ồn, khói xả do xe máy thi công gây ra trong quá trình bảo dưỡng thường xuyên đường bộ tại các khu dân cư bằng cách bố trí thời gian thi công hợp lý.

5. Khi kết thúc công việc bảo dưỡng thường xuyên phải thu dọn gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ mặt bằng trong phạm vi thi công.

Chương XI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các công trình cấp đặc biệt, công trình có kết cấu đặc thù riêng như: cầu dây văng, cầu treo dây võng, cầu vòm, cầu vượt đường bộ bằng thép, cầu dầm hộp bê tông cốt thép dự ứng lực liên tục; các cầu đã được tăng cường sửa chữa bằng công nghệ dự ứng lực ngoài (như cầu Bình Phước 1, cầu Sài Gòn 1, cầu Tân Thuận 1, cầu Chữ Y), trong khi chờ lập và phê duyệt quy trình bảo trì riêng theo quy định thì được phép áp dụng các nội dung công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo Quy định này.

2. Đối với các công trình có quy trình bảo trì riêng thì tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận vận hành và bảo trì công trình theo quy trình bảo trì đã được phê duyệt.

3. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì các công trình cần phải lập quy trình bảo trì riêng theo đúng quy định. Riêng đối với các công trình cấp đặc biệt, giao Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định quy trình quản lý, vận hành, bảo trì công trình trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

4. Trường hợp sửa chữa công trình, bổ sung, thay thế thiết bị có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên thì đơn vị quản lý tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình (như đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản).

5. Đối với các công trình đường bộ đang khai thác nhưng đã được bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án sửa chữa định kỳ, nâng cấp, cải tạo: Trong khi chờ hoàn tất các thủ tục pháp lý để đưa công trình vào khai thác sử

dụng (hoặc đang trong thời gian bảo hành), Sở Giao thông vận tải căn cứ vào tình tình thực tế và các nội dung quy định tại Quy định này để thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên cho phù hợp nhằm bảo đảm an toàn giao thông.

6. Đối với công tác kiểm tra định kỳ, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình các đơn vị quản lý phải tổ chức lập đề cương - dự toán trình Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

7. Trường hợp trong quá trình thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng thường xuyên công trình có phát sinh các hạng mục công việc không có trong quy định này thì áp dụng theo các Tiêu chuẩn kỹ thuật, các Bộ định mức hiện hành có liên quan. Giao Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị quản lý thống nhất áp dụng đối với trường hợp này theo đúng quy định.

8. Riêng đối với lĩnh vực quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng công viên, cây xanh, giao Sở Giao thông vận tải tiếp tục hoàn chỉnh các nội dung về quản lý không gian xanh và cây xanh theo cấp độ; trong quá trình xây dựng nếu có thay đổi về định ngạch so với nội dung tại Quy định này, giao Sở Giao thông vận tải chủ động xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa